

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 196/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 27-02-2023.

V/v Tranh chấp Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Ngọc.

2. Bà Nguyễn Phước Trinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Đức – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: Không có.

Ngày 27 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 1403/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2022 về “Tranh chấp Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2023/QĐST-HNGĐ ngày 17/01/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 29/2023/QĐST-HNGĐ ngày 10/02/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị U, sinh năm: 1991. (Có mặt)

Địa chỉ thường trú: Số 112 đường M, Tổ 9, Ấp 4, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ tạm trú: Số 26 Đường 131, Tổ 12, Ấp 5, xã T, huyện C, Thành phố Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Thành T, sinh năm 1983. (Vắng mặt)

Địa chỉ thường trú: Số 112 Đường M, Tổ 9, Ấp 4, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 20/9/2022 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, nguyên đơn trình bày:

Bà và Ông Nguyễn Thành T là vợ chồng, tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 196 quyền số: 02/2009 ngày 18/09/2009. Thời gian đầu cuộc sống gia đình hạnh phúc nhưng về sau bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Do đó bà U xin được ly hôn với ông T.

Về con chung có 02 con tên: Nguyễn Ngọc Tường V, sinh ngày 06/12/2010 và Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 02/5/2012. Bà yêu cầu được nuôi trẻ Đạt, giao trẻ V cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà U tự nguyện chịu.

** Bị đơn Ông Nguyễn Thành T vắng mặt.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Quan hệ tranh chấp giữa Bà Nguyễn Thị U và Ông Nguyễn Thành T là “Tranh chấp Hôn nhân và Gia đình”; Bị đơn trong vụ án là Ông Nguyễn Thành T hiện cư trú tại huyện Củ Chi. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn Ông Nguyễn Thành T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Trung theo quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Quan hệ vợ chồng giữa Bà Nguyễn Thị U và Ông Nguyễn Thành T có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 196 quyền số: 02/2009 ngày 18/09/2009. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Bà U trình bày đời sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không hợp tính tình, quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã, cuộc sống vợ chồng rất ngột ngạt, đời sống chung không có hạnh phúc, bà không còn tình cảm với ông T nên yêu cầu được ly hôn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông T không đến Tòa án để giải quyết và không có bất cứ tác động nào cho thấy muốn hàn gắn quan hệ vợ chồng với bà U nên Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu xin ly hôn với ông T của bà U là chính đáng nên chấp nhận theo quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung có 02 con chung tên: Nguyễn Ngọc Tường V, sinh ngày 06/12/2010 và Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 02/05/2012. Bà U yêu cầu được nuôi dưỡng trẻ Đ, giao trẻ V cho ông T nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của hai trẻ. Ông T không đến Tòa án không trình bày ý kiến gì khác. Do đó, để ổn định tâm sinh lý của trẻ, Hội đồng xét xử giao trẻ Đ cho bà U nuôi dưỡng, giao trẻ V cho ông T nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung: Bà U không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về nghĩa vụ dân sự chung: Bà U không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm:

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Luật Phí và lệ phí năm 2015 và Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Về án phí Hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) bà U tự nguyện chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015 và Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Chấp nhận yêu cầu của Bà Nguyễn Thị U là được ly hôn với Ông Nguyễn Thành T.

Giấy chứng nhận kết hôn số: 196 quyền số: 02/2009 ngày 18/09/2009 của UBND xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung có 02 trẻ tên: Nguyễn Ngọc Tường V, sinh ngày 06/12/2010 và Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 02/05/2012. Giao trẻ V cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, giao trẻ Đ cho bà U trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Vì lợi ích của con chung, bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến quyền này. Khi cần thiết một hoặc cả hai bên có thể yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Tài sản chung: Bà U không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Nợ chung: Bà U không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) Bà Nguyễn Thị U phải chịu, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2022/0019873 ngày 13/10/2022 của Chi Cục thi hành án Dân sự huyện Củ Chi. Bà U đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Phước Trinh - Phạm Thị Ngọc

Phạm Thị Hồng Ngọc

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- UBND xã T,
Huyện C, Tp. Hồ Chí Minh
- VKSND huyện C;
- Chi Cục THADS h.Củ Chi;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Hồng Ngọc